

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

NGUYỄN HỮU TỨC

**CHIẾN LƯỢC ÁN ĐỘ DƯƠNG – THÁI BÌNH DƯƠNG TỰ DO VÀ
RỘNG MỞ CỦA MỸ TRÊN KHÓA CẠNH AN NINH QUÂN SỰ**

Ngành: Quan hệ Quốc tế
Mã số ngành: 9310601.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

HÀ NỘI - 2022

Công trình được hoàn thành tại **Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn 1: GS. TS Nguyễn Hồng Quân

Người hướng dẫn 2: PGS. TS Nguyễn Mạnh Dũng

Phản biện độc lập 1:

Phản biện độc lập 2:

Phản biện 1: PGS. TS. Phan Văn Rân, Viện Quan hệ Quốc tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Phản biện 2: PGS. TS. Văn Ngọc Thành, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Phản biện 3: TS. Phạm Cao Cường, Viện Nghiên cứu Ấn Độ, Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án hợp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội vào lúc 8 giờ 30 ngày 27 tháng 10 năm 2022

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQGHN
- Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Nguyen Huu Tuc (2021), “Is Vietnam open to Washington’s Indo-Pacific strategy?” *East Asia Forum*, <https://www.eastasiaforum.org/2021/03/04/is-vietnam-open-to-washingtons-indo-pacific-strategy/>.

2. Nguyen Huu Tuc (2021), “US priorities in implementing the FOIP strategy in the new situation and issues posed for the regional security environment”, *International Conference Proceeding on “The security and development issues in the new situation”*, Thế Giới Publisher, Hanoi, pp. 85-101.

3. Nguyen Hong Quan, Nguyen Huu Tuc (2022), “Possible Scenarios in the post Donald Trump period of the USA’s Free and Open Indo-Pacific Strategy”, *The Journal of the United Service Institution of India*, Vol CLII (67), pp.36-43.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Kể từ khi bắt đầu nhiệm kỳ tổng thống, với tư duy chính trị khác biệt, D.Trump đã tạo nên nhiều thay đổi lớn trong chính sách của Mỹ mà một trong những biểu hiện nổi bật nhất của các thay đổi đó chính là việc hoạch định và thực thi chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (ÁĐD-TBD) tự do và rộng mở.

Với mục tiêu kim hãm Trung Quốc, tái lập và củng cố vị thế bá chủ khu vực dựa trên sức mạnh tổng lực, đặc biệt là ưu thế quân sự, Chiến lược tạo ảnh hưởng lớn đối với khu vực ÁĐD-TBD. Tuy nhiên, do thời gian hình thành và triển khai chưa dài, trên thế giới vẫn chưa có nhiều nghiên cứu về ÁĐD-TBD tự do và rộng mở, đặc biệt là chưa có nghiên cứu nào chuyên biệt về khía cạnh an ninh quân sự. Trong khi đó, Chiến lược có những tác động lớn đến môi trường an ninh khu vực cũng như Việt Nam. Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài này, nhằm tìm ra cách ứng xử phù hợp đảm bảo an ninh và phát triển của Việt Nam, là điều vô cùng cấp thiết. Đó là lý do tác giả chọn đề tài Luận án là “Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ trên khía cạnh an ninh quân sự”.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ của đề tài

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ trên khía cạnh an ninh quân sự, thực tiễn triển khai và những tác động đối với thế giới, khu vực, đồng thời đưa ra một số đề xuất, khuyến nghị đối với Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nhiệm vụ nghiên cứu sẽ đặt trọng tâm vào các vấn đề chính: (i) Nguyên nhân dẫn tới sự ra đời Chiến lược; (ii) Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hình thành Chiến lược; (iii) Nội dung và thực tiễn triển khai Chiến lược ở khía cạnh an ninh quân sự; (iv) Quan điểm, phản ứng của các nước đối với Chiến lược; (v)

Triển vọng của Chiến lược trong thời gian tới; (vi) Tác động đến khu vực, Việt Nam và đề xuất, khuyến nghị đối với Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận án: Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ trên khía cạnh an ninh quân sự.

Phạm vi nghiên cứu của Luận án:

+ Về thời gian: Từ năm 2017, khi D.Trump lần đầu tiên đề cập đến khái niệm ÁĐD-TBD, đến đầu năm 2022.

+ Về không gian: Khu vực ÁĐD-TBD.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp: (1) Lịch sử; (2) Logic; (3) Phân tích; (4) Tổng hợp; (5) Phân tích chính sách, (6) Chuyên gia và so sánh.

6. Đóng góp của Luận án

Là Luận án đầu tiên ở Việt Nam tiếp cận Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ trên khía cạnh an ninh quân sự, đặc biệt là phần về tác động và đề xuất với Việt Nam. Có cách tiếp cận khoa học khi xây dựng khung lý thuyết để giải quyết câu hỏi nghiên cứu. Có đóng góp về mặt tư liệu, phục vụ trực tiếp cho công tác nghiên cứu cho các học viện, nhà trường tham mưu chiến lược.

7. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, nội dung của Luận án được chia làm bốn chương với những nội dung chính sau:

Chương I. Tổng quan lịch sử nghiên cứu; Chương II. Cơ sở lý luận và thực tiễn của chiến lược ÁĐD-TBD của Mỹ trên khía cạnh an ninh quân sự; Chương III. Quá trình hình thành và thực tiễn triển khai Chiến lược ÁĐD-TBD của Mỹ trên khía cạnh an ninh quân sự; Chương IV. Tác động, triển vọng của Chiến lược ÁĐD-TBD và khuyến nghị đối với Việt Nam.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU

Chương này được chia thành 04 phần, trong đó phần 1 khảo cứu các nghiên cứu về khu vực ÁĐD-TBD (bao gồm cả khu vực CÁ-TBD) và cạnh tranh Mỹ - Trung ở khu vực; phần 2 các nghiên cứu liên quan đến chính sách, chiến lược đối ngoại của Mỹ nói chung và chiến lược cho khu vực ÁĐD-TBD nói riêng; phần 3 các công trình đánh giá về Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở, quan điểm và phản ứng của các nước. Phần 4 tác giả đưa ra nhận xét về những kết quả, hạn chế của các nghiên cứu này và chỉ ra hướng phát triển của Đề tài, cụ thể:

- Những kết quả đạt được và những hạn chế:

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã phác họa được một bức tranh khá hoàn chỉnh về chiến lược của Mỹ ở khu vực ÁĐD-TBD như quá trình hình thành và phát triển, nội hàm, mục đích, tác động đến thế giới, khu vực. Nhiều công trình đã đi sâu luận giải những nguyên nhân dẫn đến sự chuyển hướng chiến lược của Mỹ từ Đại Tây Dương sang CÁ-TBD và hiện nay là ÁĐD-TBD cũng như tầm quan trọng của khu vực này đối với lợi ích của Mỹ. Các nghiên cứu cũng bước đầu liệt kê được các bước triển khai chiến lược của Mỹ trên các lĩnh vực như kinh tế, chính trị, quân sự... Đồng thời, đề cập đến những tác động của việc Mỹ triển khai Chiến lược ÁĐD-TBD đối với thế giới và khu vực; đưa ra nhận định về thái độ, phản ứng của các nước đối với chiến lược này. Có thể nói, các công trình và bài viết nói trên đã đóng góp to lớn cả về mặt lý luận và thực tiễn, giúp tăng cường nhận thức chung về chiến lược của Mỹ.

Tuy nhiên, mặt khác, các nghiên cứu này chưa cập nhật các biến động nhanh và phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, đặc biệt là sự đổi đầu ngày càng quyết liệt và công khai giữa Mỹ và Trung Quốc kể từ khi D.Trump lên nắm quyền (2017). Thêm vào đó, các công trình nghiên cứu tuy nhiều nhưng tính liên ngành chưa cao. Trong khi các khía cạnh đối ngoại trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội được nghiên cứu khá sâu, thì các nghiên cứu về đối ngoại trên

lĩnh vực quốc phòng, an ninh chưa được đề cập nhiều, hay đề cập chưa sâu và chưa có tính hệ thống, mang tính so sánh. Bên cạnh đó, mối tương tác, quan hệ qua lại giữa các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh... chưa được giải luận kỹ. Đặc biệt, chưa có công trình nào chuyên biệt tập trung vào khía cạnh an ninh quân sự trong chiến lược khu vực của Mỹ cũng như đưa ra được dự đoán chính xác về chiến lược của Mỹ giai đoạn hậu D.Trump. Những hạn chế này cho thấy sự cần thiết phải có một công trình nghiên cứu toàn diện hơn về sự chuyển hướng chiến lược của Mỹ dưới thời D.Trump cả về cơ sở lý luận và thực tiễn, đặc biệt là đi sâu vào nghiên cứu khía cạnh an ninh quân sự để hiểu được bản chất mục tiêu, cách thức thực thi chiến lược của Mỹ ở khu vực, từ đó đưa ra dự báo và đề xuất, khuyến nghị phù hợp đối với Việt Nam.

- Hướng phát triển của đề tài:

Như vậy, phần nghiên cứu tổng quan các tài liệu sử dụng cho đề tài đã đưa đến những kết quả: Các học giả thế giới và Việt Nam đã vận dụng nhiều lý thuyết quan hệ quốc tế, trong đó có lý thuyết xung đột lợi ích, cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn, hội nhập khu vực... Do là một siêu cường thế giới, mọi chính sách, chiến lược của Mỹ đều sẽ thu hút sự quan tâm của các học giả, các chuyên gia và chính giới của các nước, trong đó có Việt Nam. Vì thế, những nội dung chưa được nghiên cứu có thể được liệt kê như sau: (1) Phần lớn các nghiên cứu mới chỉ tập trung vào Chiến lược ÁĐD-TBD một cách chung chung, chưa chuyên sâu vào khía cạnh an ninh quân sự, vốn được coi là xương sống và là động lực chính của Chiến lược. Các nghiên cứu cũng chưa hệ thống hóa được các lý thuyết quan hệ quốc tế cần thiết để giải thích sự hình thành của Chiến lược. Vì vậy, đề tài sẽ tập trung làm rõ nội hàm những khái niệm như “chiến lược”, “an ninh quân sự”, “ÁĐD-TBD”, “tự do và rộng mở”... đồng thời phân tích 3 lý thuyết quan hệ quốc tế (chủ nghĩa hiện thực, tự do và kiến tạo) giải thích cho sự hình thành của Chiến lược, cũng như đánh giá thực lực nền tảng quân sự của Mỹ ở khu vực trong tương quan với các đồng minh, đối tác và đặc

biệt là đối thủ (Trung Quốc) để thấy được bức tranh toàn cảnh tại sao Chiến lược ra đời dưới thời D.Trump. (2) Các công trình nghiên cứu trước đây về Chiến lược còn khá dòi dạc về mặt không gian và thời gian, cũng như chưa cho thấy được mối tương quan của Chiến lược này với chiến lược của các đồng minh, đối tác cũng như đối thủ của Mỹ ở khu vực. Vì vậy, đề tài sẽ tập trung thông kê có hệ thống quá trình từ khi hình thành đến triển khai Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ, tập trung vào khía cạnh an ninh quân sự (các phát biểu chính sách, tuyên bố, báo cáo chiến lược, các văn bản luật, dự luật... liên quan đến Chiến lược). Bên cạnh đó, đề tài sẽ tập trung làm rõ các bước triển khai trên thực tiễn của Mỹ, đi sâu vào lĩnh vực an ninh quân sự để thấy được sự khác biệt của Chiến lược này so với chiến lược Tái cân bằng dưới thời Obama trên cơ sở đưa ra các dữ liệu về sự điều chỉnh lực lượng và quá trình triển khai lực lượng của Mỹ ở khu vực. (3) Phần nhận xét và dự báo về chiến lược còn khá chung chung, chưa đi sâu vào khía cạnh an ninh quân sự vốn rất nhạy cảm trong quan hệ giữa các nước lớn và tác động trực tiếp đến môi trường an ninh khu vực. Phần khuyến nghị cho Việt Nam cũng chưa thực sự đáp ứng được những đòi hỏi hiện nay khi Việt Nam đang là tâm điểm lôi kéo của các nước lớn. Đề tài vì vậy tập trung nghiên cứu cũng như tiến hành phỏng vấn các chuyên gia đầu ngành về quan hệ quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh để có cái nhìn sâu và tổng quan hơn về chiến lược. Từ đó đưa ra những dự báo mang tính khái quát cao và khuyến nghị chính sách với Việt Nam sát đúng hơn trong tình hình hiện nay.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA CHIẾN LƯỢC AN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG TỰ DO VÀ RỘNG MỞ TRÊN KHÍA CẠNH AN NINH QUÂN SỰ CỦA MỸ

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.2. Chủ nghĩa hiện thực và tân hiện thực (*Realism và Neo-Realism*)

Chủ nghĩa hiện thực với nội dung cốt lõi về cân bằng quyền lực đến nay vẫn chi phối khá mạnh trong việc hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ, đặc biệt trong chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở trước sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc. Những tư tưởng của Chủ nghĩa hiện thực vẫn khá phát triển tại Mỹ và có thể coi là một trong những cơ sở quan trọng của việc thực thi chính sách an ninh, đối ngoại của Mỹ. Nhìn chung, chủ nghĩa hiện thực và tân hiện thực đều nhấn mạnh đến sự cạnh tranh giữa các quốc gia và là nền tảng quan trọng tác động đến việc hoạch định Chiến lược ÁĐD-TBD.

2.1.2. Chủ nghĩa tự do và tân tự do (*Liberalism và Neo-Liberalism*)

Những ý tưởng và quan điểm của chủ nghĩa tự do có vai trò quan trọng không kém chủ nghĩa hiện thực đối với giới hoạch định chính sách Mỹ. Trong quá trình nghiên cứu, vận dụng những lý thuyết tự do, giới hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại của Mỹ thường tìm thấy những ý tưởng có ý nghĩa nền tảng, tạo cơ sở cho những động thái của quốc gia này, ví dụ thuyết “Hòa bình dân chủ”. Dựa trên quan niệm này, Mỹ đã coi trọng sử dụng biện pháp chính trị, ngoại giao, kinh tế, để can dự vào nhiều quốc gia, khu vực trên khắp thế giới. Đây là cơ sở quan trọng để hiểu được sự tiếp nối chiến lược khu vực của Mỹ dưới thời D.Trump dù với tên gọi khác so với thời Obama.

2.1.3. Chủ nghĩa kiến tạo (*Constructivism*)

Trong khi các nhà hiện thực chủ nghĩa cho rằng các quốc gia theo đuổi quyền lực, và bản chất của hệ thống thế giới là “vô chính phủ” nên các quốc gia buộc phải thực thi chiến lược “tự cứu” (self-help), cạnh tranh quyền lực với các quốc gia khác để đảm bảo an ninh cho mình, phản ánh những quan điểm của chủ

nghĩa duy vật, thì chủ nghĩa kiến tạo lại mang tính duy tâm chủ quan. Tức là các thực thể khách quan tốt hay không tốt là do quan niệm của mỗi người, mỗi cá nhân, đặc biệt là cá nhân lãnh đạo. Quan điểm này góp phần giải thích sự ra đời của Chiến lược do yếu tố cá nhân của D.Trump.

Dù không một lý thuyết QHQT nào có thể độc lập lý giải toàn bộ sự hình thành Chiến lược ÁĐD-TBD của Mỹ dưới thời D.Trump, nhưng mỗi lý thuyết đều đưa ra được những luận điểm thuyết phục làm căn cứ cho từng khía cạnh cụ thể. Điều này có thể được hiểu là do quyết định đi đến hình thành Chiến lược của Mỹ phụ thuộc vào nhiều cơ sở lý luận đến từ các trường phái khác nhau.

2.2. Cơ sở thực tiễn

2.2.1. Yêu cầu của tình hình thực tế

2.2.1.1. Vai trò của ÁĐD-TBD và tình hình khu vực

ÁĐD-TBD đóng vai trò quan trọng, nếu không muốn nói là trọng yếu đối với an ninh và phát triển của nước Mỹ. Xét dưới góc độ an ninh - nhu cầu thiết yếu nhất đối với một quốc gia - ÁĐD-TBD là khu vực có ảnh hưởng lớn đến an ninh của Mỹ. Vị trí địa lý tự nhiên đã quyết định Mỹ là một quốc gia thuộc khu vực ÁĐD-TBD và bản thân Mỹ vẫn luôn xác định mình “đã và luôn sẽ là một quốc gia Thái Bình Dương”. Chính vì vậy, mọi thay đổi trong tình hình an ninh của ÁĐD-TBD sẽ tác động trực tiếp đến Mỹ.

2.2.1.2. Sự trỗi dậy và cạnh tranh của Trung Quốc với Mỹ

Sau khi trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, Trung Quốc ráo riết thực hiện đại chiến lược nhằm xây dựng trật tự thế giới mới theo “đồng thuận Bắc Kinh”, thay thế “đồng thuận Washington” thông qua nhiều đại kế hoạch, trong đó, đóng vai trò then chốt là sáng kiến “Vành đai - Con đường” (BRI) và kế hoạch “Sản xuất tại Trung Quốc 2025” (Made in China 2025). Chính giới ở Mỹ và Phương Tây coi BRI và “Made In China 2025” là hai trụ cột của “trật tự thế giới mới kiểu Trung Quốc”. Các phân tích cho thấy, BRI đã mở rộng lợi ích an ninh của Trung Quốc ở châu Á và vượt ra ngoài châu Á. Năm 2017, Chiến lược

an ninh quốc gia của Mỹ đã ám chỉ rằng, BRI là nỗ lực của Trung Quốc nhằm “thay thế Mỹ ở khu vực ÁĐD-TBD, mở rộng phạm vi mô hình kinh tế do nhà nước điều hành và sắp xếp lại khu vực theo hướng có lợi cho Trung Quốc”.

2.2.1.3. Sự suy giảm lợi thế cạnh tranh sức mạnh quân sự của Mỹ

Trong hơn 2 thập kỷ qua, sức mạnh quân sự Mỹ trên phạm vi toàn cầu bị suy giảm đáng kể, dẫn tới nguy cơ phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng về khả năng giải quyết các thách thức chiến lược. Điều này không chỉ tạo cơ hội cho các cường quốc khác, tiêu biểu là Trung Quốc thách thức vị thế siêu cường số một mà còn có khả năng đe dọa đến an ninh và lợi ích thiết thân của Mỹ. Để giải quyết vấn đề trên, giới cầm quyền của Mỹ đã đề ra những biện pháp nhằm thiết lập lại lợi thế cạnh tranh quân sự mà một trong những ví dụ tiêu biểu nhất là việc hoạch định và triển khai Chiến lược ÁĐD-TBD.

2.2.2. Lợi thế nền tảng sẵn có của Mỹ

2.2.2.1. Sức mạnh quân sự vượt trội của Mỹ

Dù suy giảm trên phạm vi toàn cầu, nhưng sau chiến lược Tái cân bằng của chính quyền Obama, với việc chuyển 60% lực lượng về khu vực châu Á - TBD, lực lượng của Mỹ tại đây vẫn giữ ưu thế vượt trội so với các đối thủ khác, từ hải quân, không quân, thủy quân lục chiến đến các lực lượng đồn trú khác của Mỹ trên lãnh thổ các đồng minh như Nhật Bản, Hàn Quốc. Có thể xem sức mạnh này và niềm tin vào khả năng đánh bại “mọi thành phần bất hảo hoặc không thuần phục” sự lãnh đạo của Mỹ trên phạm vi toàn cầu, là cơ sở quan trọng để các nhà chiến lược Mỹ hoạch định Chiến lược ÁĐD-TBD.

2.2.2.2. Lịch sử can dự lâu dài của Mỹ tại khu vực ÁĐD-TBD

Mỹ đã có lịch sử can dự vào khu vực ÁĐD-TBD từ những ngày đầu lập quốc. Trong Chiến lược An ninh quốc gia của Mỹ năm 2002, Chính quyền G. Bush khẳng định Mỹ và Ấn Độ đều có mối quan tâm chung về các con đường thương mại tự do trên biển tại Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Với lịch sử can dự lâu dài, đặc biệt là chiến lược của Obama đã tạo cơ sở nền tảng quan trọng để

năm 2017, Lầu Năm góc đổi tên BTL Thái Bình Dương (PACOM) thành BTL ÁĐD-TBD (INDOPACOM), đánh dấu sự chính thức triển khai Chiến lược ÁĐD-TBD dưới thời Tổng thống D.Trump.

2.2.2.3. Sự phù hợp với chiến lược và tầm nhìn chung từ các nước đồng minh, đối tác trong khu vực (Australia, Nhật Bản, Ấn Độ)

Cả 3 nước còn lại trong nhóm Bộ Tứ đều có chiến lược ÁĐD-TBD của riêng mình, trên cơ sở điều chỉnh những ưu tiên và mục tiêu ở khu vực. Ba nước có điểm chung là đều quan tâm đến một không gian địa chiến lược rộng lớn hơn, từ TBD đến ÁĐD để đối phó với các thách thức an ninh ngày càng phức tạp cũng như sự trỗi dậy của Trung Quốc. Sự quan tâm này, cùng với vai trò bị đánh giá là ngày càng đi xuống của Mỹ dưới thời Obama trong kiềm chế Trung Quốc, bảo vệ đồng minh và các “giá trị tự do”, đã khiến chính quyền D.Trump có những bước đi mới, mở rộng không gian chiến lược “Tái cân bằng châu Á” của người tiền nhiệm Obama và hình thành nên Chiến lược ÁĐD-TBD.

2.2.3. Nội bộ chính trường Mỹ và yếu tố cá nhân - D.Trump

Phần này, tác giả nghiên cứu các điểm chính trong Cương lĩnh Đảng Cộng hòa 2016; vị trí của các quan chức đưa ra nội dung cốt lõi của Chiến lược ÁĐD-TBD trong nhánh Hành pháp được bảo lưu; đánh giá về sự ủng hộ của các cơ quan lập pháp và cuối cùng là đánh giá về vai trò cá nhân Tổng thống D.Trump đối với sự ra đời của Chiến lược.

Tiểu kết chương 2

Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ được hình thành dựa trên cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn. Về mặt lý luận, chiến lược này có thể được giải thích bởi chủ nghĩa hiện thực và tân hiện thực, trong đó nhấn mạnh tính vô chính phủ của môi trường quốc tế và sự vị kỷ của các quốc gia trong đảm bảo an ninh và lợi ích. Tuy nhiên, do đây là một chiến lược tập hợp lực lượng khu vực cũng như phản ánh vai trò cá nhân của D.Trump, nên cũng có thể được giải thích trên cơ sở của chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa kiến tạo. Về mặt thực tiễn,

Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở của chính quyền D.Trump là sự phát triển tất yếu từ những thúc đẩy của tình hình thực tế. Có thể nói, chiến lược này xuất phát và dựa trên những cơ sở mà thực tiễn đặt ra, cả ở bên trong và bên ngoài. Đầu tiên là yêu cầu hành động để khôi phục lợi thế cạnh tranh sức mạnh quân sự, đặc biệt là đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc cũng như tình hình an ninh khu vực. Tất cả không ngoài mục tiêu nào khác là đảm bảo lợi ích và duy trì vị thế của Mỹ tại một khu vực đầy biến động như ÁĐD-TBD nói riêng và trên toàn thế giới nói chung. Những yêu cầu đó cần được đáp ứng bằng việc hoạch định một Chiến lược dựa trên những cơ sở nền tảng mà không một quốc gia nào có được ngoài Mỹ, thể hiện qua sức mạnh tổng lực quốc gia vượt trội, lịch sử can dự lâu dài tại khu vực ÁĐD-TBD và sự ủng hộ từ các nước đồng minh, đối tác, kết hợp với yếu tố nội bộ thuận lợi, phù hợp như nền tảng chỉ hướng chung trong nội bộ chính trường Mỹ và cá nhân D.Trump.

CHƯƠNG 3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ THỰC TIỄN TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC ÁN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG CỦA MỸ TRÊN KHÍA CẠNH AN NINH QUÂN SỰ

3.1. Quá trình hình thành, nội dung, phạm vi và biện pháp triển khai

3.1.1. Các khái niệm và nội hàm cơ bản của Chiến lược

Trên cơ sở nghiên cứu các khái niệm về “Chiến lược”; “An ninh quân sự”; “Án Độ Dương - Thái Bình Dương”; “Tự do và Rộng mở, tác giả đi đến kết luận “Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở trên khía cạnh an ninh quân sự” chỉ việc Mỹ sử dụng tổng thể các phương châm, chính sách và mưu lược được hoạch định để xác định mục tiêu, sắp xếp, quy tụ lực lượng và đề ra giải pháp để đạt được trạng thái vững mạnh về quân sự phù hợp với vị thế sức mạnh tổng hợp quốc gia của Mỹ nhằm duy trì trật tự “tự do” và “rộng mở”, đẩy lùi, ngăn chặn các hành động gây chiến của kẻ thù và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh dưới mọi hình thức, quy mô, trong mọi tình huống tại khu vực ÁĐD-TBD.

3.1.2. Quá trình hình thành, nội dung và mục tiêu của Chiến lược

Dấu mốc đầu tiên đánh dấu bước chuyển từ chiến lược “Tái cân bằng” sang ÁĐD-TBD là việc ngày 24/5/2017, chính quyền D.Trump trình dự thảo Luật tăng cường an ninh khu vực Ấn Độ - CÁ-TBD. Tháng 10/2017, Ngoại trưởng Mỹ Tillerson có bài phát biểu về quan hệ giữa Mỹ và Ấn Độ, sử dụng “ÁĐD-TBD” thay cho “CÁ-TBD. Tháng 11/2017, tại Việt Nam, D.Trump chính thức đưa ra khái niệm về một “ÁĐD-TBD tự do và rộng mở” - biểu tượng chung cho chiến lược khu vực của Mỹ. Cũng trong tháng 11/2017, cơ chế đối thoại an ninh bốn bên Mỹ - Nhật Bản - Australia - Ấn Độ đã khởi động lại sau 10 năm. Tháng 12/2017, chính quyền Trump ban hành “Chiến lược an ninh quốc gia”, trong đó làm rõ rằng chiến lược của Mỹ ở khu vực CÁ-TBD đã được nâng cấp thành Chiến lược ÁĐD-TBD và đưa ra những góc nhìn mới về “cạnh tranh nước lớn”. Tháng 01/2018, BQP Mỹ công bố “Chiến lược quốc phòng”. Tháng 6/2018, Jame Mattis lần đầu tiên trình bày nội dung của Chiến lược tại Đối

thoại Shangri-la, khẳng định đây là “một bộ phận trong Chiến lược An ninh quốc gia của Mỹ và là một tập hợp con của chiến lược an ninh rộng lớn hơn, qua đó pháp điển hóa các nguyên tắc của chúng tôi khi nước Mỹ tiếp tục nhìn về phía Tây”. Tháng 6/2019, BQP Mỹ đã ban hành “Báo cáo chiến lược ÁĐD-TBD”, trong đó xây dựng một cách có hệ thống ý nghĩa Chiến lược ÁĐD-TBD trong lĩnh vực an ninh. Ngày 12/02/2022, Nhà Trắng công bố Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở mới trong đó đề cập đến 05 mục tiêu (thúc đẩy khu vực ÁĐD-TBD tự do và rộng mở; xây dựng các liên kết trong và ngoài khu vực; thúc đẩy thịnh vượng của khu vực; củng cố an ninh khu vực; xây dựng khả năng ứng phó của khu vực trước các mối đe dọa xuyên quốc gia).

3.1.3. Phạm vi và biện pháp triển khai Chiến lược

3.1.3.1. Phạm vi Chiến lược

Phạm vi Chiến lược được thể hiện qua Đạo luật Sáng kiến Tái bảo đảm châu Á (ARIA) do D.Trump ký ban hành ngày 31/12/2018. Theo đó, ARIA chú trọng vào “bảo đảm lợi ích an ninh quốc gia quan trọng của Mỹ và của các đồng minh cùng các đối tác của Mỹ”. Đạo luật nhắc lại cam kết của Mỹ về tự do hàng hải theo luật pháp quốc tế, và giải quyết các tranh chấp lãnh hải và lãnh thổ bằng con đường hòa bình, nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường hợp tác an ninh và quốc phòng với các đồng minh và đối tác, đồng thời duy trì sự hiện diện quân sự mạnh mẽ ở khu vực ÁĐD-TBD.

3.1.3.2. Biện pháp triển khai Chiến lược

Biện pháp triển khai Chiến lược được thực hiện theo 3 bước: (i) Chuẩn bị sẵn sàng; (ii) Quan hệ đối tác; và (iii) Thúc đẩy liên kết khu vực.

3.2. Thực tiễn triển khai Chiến lược

3.2.1. Củng cố và tăng cường quan hệ với các đồng minh, đối tác

3.2.1.1. Với hợp tác Bộ Tứ - QUAD

Dù Nhật Bản là nước khởi xướng hợp tác nhóm Bộ Tứ, nhưng chỉ từ khi D.Trump công bố về chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở, Bộ Tứ mới thực

sự có những động lực hợp tác đầu tiên. Mỹ dưới thời D.Trump và Joe Biden đều coi Bộ Tứ là “xương sống” của Chiến lược, nên đã đẩy mạnh thể chế hóa, nâng cấp hợp (cao nhất là cấp nguyên thủ), đẩy mạnh hợp tác của Nhóm trên thực tế (như diễn tập Malabar). Tuy nhiên, các hợp tác này chưa đủ biến Bộ Tứ thành một “NATO châu Á” như Trung Quốc lo ngại.

3.2.1.2. Với Nhật Bản

Nhật Bản được coi là liên minh quân sự quan trọng nhất của Mỹ tại khu vực ÁĐD-TBD. Dù thời điểm khi D.Trump lên nắm quyền, với chính sách “nước Mỹ trên hết”, Mỹ đã xảy ra mâu thuẫn với Nhật Bản về chia sẻ chi phí quốc phòng, nhưng nhìn chung hợp tác an ninh quân sự giữa hai nước vẫn duy trì xu hướng tăng cường liên tục, đặc biệt trong khuôn khổ Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở mà cả hai nước đều theo đuổi.

3.2.1.3. Với Australia

Cùng chia sẻ các giá trị của khái niệm ÁĐD-TBD tự do và rộng mở với Mỹ cũng như quan ngại về sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc, cộng với vị trí địa chiến lược của mình, Australia trở thành trung tâm của Chiến lược do Mỹ định hình một cách tự nhiên. Cả Mỹ và Australia đang tăng cường an ninh ở ÁĐD-TBD thông qua phối hợp các chính sách và ưu tiên có chủ đích hơn, nhấn mạnh đến các cam kết khu vực, thúc đẩy khả năng tương tác để đối phó với các mối đe dọa mới, tăng cường tập trung vào quần đảo Thái Bình Dương và thúc đẩy các sáng kiến về bố trí lực lượng Mỹ - Australia cũng như thông qua các cuộc diễn tập, tuần tra chung. Việc thành lập Liên minh AUKUS cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng của Australia trong hiện thực hóa Chiến lược ÁĐD-TBD trên khía cạnh an ninh quân sự.

3.2.1.4. Với Ấn Độ

Trước khi Chiến lược ÁĐD-TBD được hình thành và triển khai trên thực tiễn, vào tháng 6/2016, Mỹ đã chỉ định Ấn Độ là một “Đối tác quốc phòng chính”. Tổng thống D.Trump đánh giá Ấn Độ là một đối tác an ninh quan trọng và đáng

tin cậy và cho thấy Mỹ rất coi trọng vị thế của Ấn Độ trong triển khai Chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở của mình.

Ngoài ra, tác giả cũng nghiên cứu và đề cập đến việc tăng cường hợp tác của Mỹ với các đồng minh, đối tác chủ chốt ở khu vực như Hàn Quốc, Đài Loan, các nước ASEAN, các nước Tây - Nam Thái Bình Dương.

3.2.2. Củng cố và tăng cường lực lượng nhằm duy trì ưu thế quân sự ở khu vực

Lực lượng của Mỹ ở khu vực ÁĐD-TBD dưới sự quản lý của INDOPACOM hiện có khoảng 375.000 nhân viên quân sự và dân sự cùng hàng ngàn phương tiện, trang bị hiện đại, trong đó: (i) Hạm đội Thái Bình Dương được biên chế khoảng 200 tàu (bao gồm 5 nhóm tàu sân bay tấn công), gần 1.100 máy bay chiến đấu với hơn 130.000 binh sỹ và nhân viên; (ii) Lực lượng Thủy quân lục chiến Thái Bình Dương gồm hai lực lượng viễn chinh thủy quân lục chiến với 86.000 người và 640 máy bay chiến đấu; (iii) Lực lượng Không quân Thái Bình Dương gồm 46.000 binh sỹ và nhân viên dân sự cùng hơn 420 máy bay; (iv) Lực lượng Lục quân Thái Bình Dương có khoảng 106.000 binh sỹ và nhân viên dân sự, biên chế thành một quân đoàn và hai sư đoàn với hơn 300 máy bay và 5 tàu sân bay triển khai trên các khắp các khu vực phụ trách, từ Đông Bắc Á tới Alaska và Hawaii. Để duy trì ưu thế quân sự của mình tại khu vực, Chiến lược ÁĐD-TBD chủ trương Mỹ thực hiện đồng bộ các giải pháp: (i) Gia tăng chi tiêu quân sự; (ii) Củng cố lực lượng quân sự (trên bộ, trên biển và trên không); và (iii) Tái bố trí các căn cứ quân sự của Mỹ tại khu vực ÁĐD-TBD.

3.2.3. Duy trì và tăng cường các hoạt động quân sự tại khu vực

Các hoạt động quân sự của Mỹ trong khuôn khổ Chiến lược gồm (i) huấn luyện và diễn tập quân sự; (ii) trinh sát và thu thập tình báo quân sự; (iii) đối ngoại quân sự và hợp tác quốc phòng đa phương; (iv) hợp tác giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống; và đặc biệt là (v) các hoạt động tự do hàng hải. Trong khuôn khổ chiến lược ÁĐD-TBD tự do và rộng mở, Mỹ đẩy mạnh các hoạt động cho tàu quân sự đi qua eo biển Đài Loan và tuần tra tự do hàng hải

trên Biển Đông. Sau khi D.Trump lên nắm quyền số lần được đẩy lên, năm 2017 thực hiện 04 lần, năm 2018 thực hiện 05 lần, năm 2019 thực hiện 08 lần, năm 2020 thực hiện 10 lần. Đến thời Joe Biden, năm 2021 giảm xuống còn 5 lần tại khu vực Biển Đông. Đáng chú ý, dù chịu tác động nặng nề của Covid-19, năm 2020, Mỹ vẫn gia tăng tần suất FONOP ở Biển Đông. Các số liệu thống kê cho thấy, dưới thời D.Trump, Mỹ tiến hành số lượt FONOPs cao kỷ lục, trực tiếp thách thức các tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc ở Biển Đông cũng như bảo vệ Đài Loan trước sức ép ngày càng gia tăng từ Trung Quốc.

Tiểu kết chương 3

Dù ÁĐD-TBD tự do và rộng mở có nhiều nội hàm thể hiện sự tiếp nối của chiến lược “Xoay trục”, nhưng cũng đã có cách tiếp cận riêng trong tăng cường năng lực và củng cố sức mạnh đối phó với Trung Quốc trên mọi mặt trận. Thực tiễn triển khai chiến lược của Mỹ được thể hiện qua các biện pháp như: (i) Chuẩn bị sẵn sàng lực lượng liên quân được huấn luyện kỹ lưỡng; (ii) Nâng cao quan hệ đối tác qua tăng cường các cam kết đối với các đồng minh và đối tác hiện có, đồng thời mở rộng và làm sâu sắc quan hệ với các đối tác mới; (iii) Thúc đẩy liên kết khu vực qua thúc đẩy và củng cố quan hệ đồng minh và đối tác trong một kiến trúc an ninh có tính kết nối cao.

Chiến lược được triển khai trên thực tiễn qua các hoạt động. Thứ nhất, củng cố và tăng cường quan hệ với các đồng minh, đối tác, đặc biệt là các thành viên nhóm Bộ Tứ (Nhật Bản, Australia, Ấn Độ). Cùng với đó, Mỹ đặc biệt chú trọng củng cố và tăng cường lực lượng nhằm duy trì ưu thế quân sự ở khu vực thông qua các biện pháp cụ thể như gia tăng chi tiêu quân sự; củng cố lực lượng quân sự; củng cố lực lượng hạt nhân chiến lược khu vực và tái bố trí các căn cứ quân sự của Mỹ tại khu vực ÁĐD-TBD. Cuối cùng, là phô trương sức mạnh để đảm bảo lợi ích và vị thế thông qua việc duy trì và tăng cường các hoạt động quân sự tại khu vực như thực hiện các chiến dịch tự do hàng hải và hàng không, nâng cấp các khuôn khổ huấn luyện và diễn tập quân sự...

CHƯƠNG 4. TÁC ĐỘNG, TRIỂN VỌNG CỦA CHIẾN LƯỢC TRÊN KHÍA CẠNH AN NINH QUÂN SỰ VÀ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

4.1. Nhận xét về chiến lược

4.1.1. Nhận xét chung về Chiến lược

Trên cơ sở những tuyên bố và triển khai trên thực tế, có thể thấy Chiến lược ÁĐD-TBD có một số điểm đáng chú ý sau: *Thứ nhất*, sự ra đời của Chiến lược ÁĐD-TBD là phù hợp với tình hình nước Mỹ và bối cảnh khu vực. *Thứ hai*, Chiến lược ÁĐD-TBD đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy của giới hoạch định chính sách Mỹ khi coi khu vực ÁĐD-TBD là địa bàn ưu tiên chiến lược và công khai kiềm chế Trung Quốc trên mọi mặt trận. *Thứ ba*, Chiến lược thể hiện sự khác biệt trong nhận thức, đánh giá tình hình và hành động của chính quyền D.Trump so với chính quyền tiền nhiệm. *Thứ tư*, Chiến lược thể hiện vai trò cũng như quyết tâm trở thành lực lượng chủ chốt, xây dựng luật chơi và điều hành trật tự khu vực của Mỹ. *Cuối cùng*, ÁĐD-TBD tự do và rộng mở là một chiến lược toàn diện, được triển khai trên hầu khắp các mặt, đặc biệt là ở khía cạnh an ninh quân sự.

4.1.2. Một số kết quả và hạn chế của bản thân Chiến lược

Những kết quả đạt được: *Thứ nhất*, Chiến lược đã thành công trong việc thu hút sự chú ý và quan tâm từ nhiều nước ÁĐD-TBD, đặc biệt là các cường quốc trong khu vực. *Thứ hai*, Chiến lược phần nào lôi kéo được sự ủng hộ của đa số các đồng minh và đối tác trong khu vực. *Thứ ba*, Chiến lược góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định khu vực. *Thứ tư*, việc Mỹ gia tăng can dự vào vấn đề Biển Đông buộc Trung Quốc phải có tính toán, bước đi thận trọng hơn trong giải quyết tranh chấp với các nước có liên quan. Những hạn chế của Chiến lược: *Thứ nhất*, tính cụ thể và khả thi của Chiến lược. *Thứ hai*, tính không chắc chắn và dễ biến động của Chiến lược. *Thứ ba*, hạn chế trong tư duy xác định đối tác của Chiến lược. *Thứ tư*, sự thiên lệch giữa các lĩnh vực và hoạt động triển khai Chiến lược.

4.2. Tác động của chiến lược đối với khu vực ÁĐD-TBD và phản ứng của các nước trong khu vực

4.2.1. Tác động của Chiến lược đối với khu vực ÁĐD-TBD

Thứ nhất, nâng cao vị thế của khu vực ÁĐD-TBD trong tính toán chiến lược của các cường quốc. *Thứ hai*, thúc đẩy sự phát triển của chủ nghĩa đơn phương, song phương và tiểu đa phương trong khu vực. *Thứ ba*, tạo đối trọng với Trung Quốc, duy trì cân bằng quyền lực và trật tự ở khu vực, tuy nhiên, cũng tạo thành cơ để Trung Quốc đẩy mạnh các hoạt động quân sự hóa ở Biển Đông, tác động trực tiếp đến an ninh - chủ quyền quốc gia của các nước trong khu vực. *Thứ tư*, làm tăng mâu thuẫn và cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc khu vực ÁĐD-TBD. *Thứ năm*, thúc đẩy xu hướng tập hợp lực lượng, chạy đua vũ trang, làm phức tạp thêm tình hình an ninh khu vực.

4.2.2. Phản ứng của các nước trong khu vực đối với Chiến lược

4.2.2.1. Trung Quốc

Trung Quốc coi đây là chiến lược để kiềm chế mình, nên không ngừng củng cố lực lượng. Chỉ riêng trong năm 2020, 2021, Trung Quốc đã ban hành hàng loạt văn bản luật để củng cố lực lượng trên biển, như luật Hải cảnh, luật Quốc phòng, ban hành Quy định công tác của Ủy ban kiểm tra quân đội, ra luật bảo vệ quyền, lợi ích của quân nhân, Quy chế về hoạt động hợp tác quân sự quốc tế... Trên thực địa, Trung Quốc gia tăng các hoạt động tập trận bắn đạt thật, diễn tập quân sự chung. Riêng năm 2021, Trung Quốc đã tiến hành 47 cuộc tập trận lớn nhỏ ở Biển Đông. Đồng thời, Trung Quốc gia tăng mạnh mẽ các cuộc tập trận, diễn tập, hiện diện xung quanh khu vực eo biển Đài Loan và công bố hàng loạt sáng kiến tập hợp lực lượng mới để thách thức Mỹ.

4.2.2.2. Các nước thuộc nhóm Bộ Tứ

Các nước nhóm Bộ Tứ đều có phiên bản Chiến lược ÁĐD-TBD của riêng của mình, một mặt thể hiện sự ủng hộ Chiến lược của Mỹ, nhưng đồng thời cũng cho thấy những khác biệt để cân bằng lợi ích, không làm Trung Quốc cảm thấy

bị bao vây, cô lập. Nếu như Nhật Bản và Australia chú trọng vào đảm bảo an toàn, tự do hàng hải và hàng không ở khu vực, thì Ấn Độ nhấn mạnh đến yếu tố bao trùm, không loại trừ nước nào của Chiến lược, đồng thời gắn Chiến lược của mình với Chiến lược Hành động phía Đông, tập trung vào tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á.

4.2.2.3. Các nước đồng minh, đối tác khác

Các đồng minh, đối tác còn lại ở khu vực như Hàn Quốc và các nước ASEAN có quan điểm khá thận trọng về Chiến lược của Mỹ. Trong khi Hàn Quốc chủ yếu tập trung đối phó với các đe dọa hạt nhân từ Triều Tiên trong quan hệ với Mỹ và tránh đề cập đến Chiến lược ÁĐD-TBD thì các nước ASEAN đã thống nhất được Tài liệu quan điểm về Chiến lược này.

4.3. Dự báo tương lai của Chiến lược

Cơ hội và thách thức bên ngoài

Lợi thế bên ngoài lớn nhất đối với việc triển khai Chiến lược là việc các nước đồng minh và đối tác ở khu vực ÁĐD-TBD vẫn cần đến Mỹ. Mặc dù Trung Quốc đang từng bước xác lập địa vị của mình ở ÁĐD-TBD nhưng Mỹ vẫn là lựa chọn khó thay thế cho vai trò lãnh đạo khu vực nói riêng và thế giới nói chung. Sự can dự và cam kết của Mỹ vẫn được nhiều nước kỳ vọng nhằm tạo nên một đối trọng ôn hòa để kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc. Tuy nhiên, việc các nước trong khu vực cần Mỹ không đồng nghĩa với việc đặt hoàn toàn niềm tin vào vai trò lãnh đạo của cường quốc số một thế giới. Ấn Độ, một cường quốc khu vực, được Mỹ kỳ vọng neo giữ hợp tác Bộ Tứ để kiềm chế Trung Quốc, sẽ khó chấp nhận trở thành “quân cờ” của Mỹ và muốn có chính sách cân bằng để hưởng lợi phát triển kinh tế từ cả hai cường quốc này.

Thuận lợi và khó khăn bên trong

Trong nội bộ, mục tiêu kiềm chế Trung Quốc và duy trì vị trí lãnh đạo của Mỹ là mục tiêu chung của nước Mỹ bất kể đảng nào lên nắm quyền. Bên cạnh đó, dù suy giảm tương đối về thế và lực, song Mỹ vẫn tiếp tục là siêu cường toàn

diện, duy nhất trên thế giới về thực lực và tầm ảnh hưởng. Tuy nhiên, sức mạnh quốc gia tổng thể của Mỹ nhìn chung cũng đang suy giảm, nên việc hỗ trợ các mục tiêu của Chiến lược ÁĐD-TBD sẽ trở nên khó khăn hơn. Đặc biệt, về mặt an ninh quân sự, giới hoạch định quân sự cho rằng có khoảng cách giữa mức độ sẵn sàng can dự của Mỹ so với mức độ sẵn sàng của Nga và Trung Quốc. Cách tiếp cận của Mỹ đã bị cản trở do hạn chế nguồn lực cũng như hạn chế trong công tác phối hợp giữa các nhà hoạch định chính sách và lĩnh vực tư nhân.

Dự báo tương lai của Chiến lược:

Kịch bản 1: Mỹ tiếp tục triển khai chiến lược nhưng không chú trọng vào khía cạnh an ninh quân sự mà chỉ tập trung vào khía cạnh kinh tế và quản trị để tránh mất kiểm soát trong quan hệ với Trung Quốc.

Dựa trên tình hình thực tế thì đây là kịch bản ít có khả năng xảy ra nhất bởi ÁĐD-TBD là khu vực quan trọng đối với của Mỹ về mặt an ninh quân sự. Tuy nhiên, đến thời Joe Biden, Mỹ đã công bố Sáng kiến “khuôn khổ kinh tế ÁĐD-TBD vì thịnh vượng” (IPEF) để bù vào chỗ trống về hợp tác kinh tế khu vực từ người tiền nhiệm. Dù có bất cứ Tổng thống nào cầm quyền hay chính phủ bị chi phối bởi đảng phái nào thì những lợi ích thiết thân của Mỹ đều vẫn nằm ở khu vực ÁĐD-TBD và sự tồn tại của Trung Quốc đang xâm phạm đến những lợi ích này. Chính vì vậy, việc triển khai chiến lược nhằm kiềm chế Trung Quốc sẽ là một trong những mục tiêu ưu tiên của Mỹ.

Kịch bản 2: Mỹ tiếp tục thực hiện Chiến lược, tiếp tục coi an ninh quân sự là trọng tâm để củng cố lực lượng và kiềm chế Trung Quốc, đảm bảo cho Mỹ và đồng minh an tâm, an toàn trước sự phát triển lớn mạnh của Trung Quốc.

Kịch bản này dựa trên giả định rằng Mỹ vẫn duy trì hiện trạng khu vực nhưng đang bị tác động nặng nề bởi đại dịch Covid-19, khiến chính quyền Joe Biden phải cân bằng trong giải quyết các vấn đề bên trong và bên ngoài, nhưng vẫn coi sức mạnh quân sự là ưu tiên số một cần củng cố để khẳng định vị thế siêu cường số một thế giới của Mỹ. Tuy nhiên, do chịu tác động từ những khó khăn

bên trong và bên ngoài, sức mạnh không nghiêng hẳn về Mỹ hoặc Trung Quốc mà sẽ ở thế cân bằng. Mỹ tiếp tục xây dựng niềm tin với các đồng minh và đối tác Á-ĐD-TBD, thu hút, lôi kéo thêm đồng minh để củng cố lực lượng, đồng thời, tiếp tục ngăn chặn, kiềm chế Trung Quốc trong khả năng có thể. Trước những động thái triển khai Chiến lược của Mỹ, Trung Quốc cũng sẽ không ngừng nỗ lực gây dựng tầm ảnh hưởng của mình đối với các quốc gia trong khu vực, thậm chí với các đồng minh, đối tác của Mỹ. Trong kịch bản này, dù có thể có những thay đổi nhỏ, nhưng quan hệ giữa các quốc gia trong khu vực vẫn được duy trì nguyên trạng. Đây là kịch bản có nhiều khả năng xảy ra nhất.

Kịch bản 3: Mỹ tăng cường lực lượng quân sự ở khu vực và đưa Chiến lược phát triển lên một cấp độ mới, coi an ninh là khía cạnh chính trong cạnh tranh Mỹ - Trung, đẩy Trung Quốc vào thế buộc phải chạy đua để tìm kiếm an ninh cho mình.

Kịch bản này dựa trên những giả định ngược với kịch bản 1. Trong kịch bản này thì Trung Quốc mới là nước bị khủng hoảng và không thể duy trì mức độ phát triển của mình. Trong khi đó, Mỹ giải quyết được những khó khăn nội tại, có khả năng duy trì ưu thế về các mặt kinh tế, quân sự, công nghệ... thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội do Covid-19 gây ra và những rạn nứt, chia rẽ thời kỳ hậu D.Trump và tiếp tục nắm giữ vị thế siêu cường của mình. Các đồng minh và đối tác Á-ĐD-TBD thể hiện sự gắn kết mạnh mẽ hơn nữa trong quan hệ với Mỹ bởi siêu cường này nắm vai trò chi phối và đặt ra luật chơi cho khu vực. Sự cứng rắn và quyết tâm của Mỹ buộc Trung Quốc phải xuống thang, không còn thái độ quyết đoán ở các khu vực nhạy cảm có liên quan đến Mỹ.

Trong các kịch bản thì kịch bản này thể hiện tính chất tương đối ổn định bởi sự xuất hiện của nhân tố lãnh đạo đơn nhất, chi phối an ninh toàn khu vực do các chủ thể khác đều không đủ khả năng là đối trọng với Mỹ. Tuy nhiên, khả năng xảy ra kịch bản này trong tương lai gần (dưới 30 năm) là không cao nhưng không loại trừ trong tương lai xa (trên 30 năm).

4.4. Một số khuyến nghị đối với Việt Nam

Việt Nam cần cân nhắc cách ứng xử phù hợp với Chiến lược ÁĐD-TBD của Mỹ, tránh bị rơi vào thế lưỡng nan do cạnh tranh Mỹ-Trung. Việt Nam có thể tận dụng và tham gia một cách khéo léo Chiến lược ở một số mặt, thông qua việc: *Một là*, xác định cạnh tranh nước lớn ở khu vực là tất yếu và các nước đều sẽ phải có đối sách xử lý phù hợp. Việt Nam cần kiên định đường lối đối ngoại độc lập tự chủ và chính sách “4 không” về an ninh quân sự. *Hai là*, hợp tác quốc phòng - an ninh là yếu tố làm gia tăng sự tin cậy và giá trị chiến lược của quan hệ song phương, cần được tăng cường với các bước đi phù hợp với lợi ích của hai nước Việt Nam và Mỹ. *Ba là*, tích cực tranh thủ các sáng kiến thúc đẩy trật tự pháp quyền, luật pháp quốc tế, tự do hàng hải, tăng cường phối hợp trên các diễn đàn đa phương để đạt được mục tiêu chiến lược của mình

Tiểu kết chương 4

Chiến lược đã tạo ra cả những tác động tích cực và tiêu cực đến cục diện tình hình khu vực ÁĐD-TBD. Những tác động đối với toàn khu vực cũng như ở các nước không giống nhau kéo theo phản ứng đa dạng của các nước ÁĐD-TBD đối với Chiến lược như đối thủ mục tiêu của Chiến lược - Trung Quốc; sau đó là các nước thuộc nhóm Bộ tứ Nhật Bản, Australia, Ấn Độ; các nước đồng minh và đối tác khác trong khu vực.

Việc dự đoán tương lai của Chiến lược không chỉ phải dựa vào những kết quả và hạn chế đó mà còn phải xét đến những yếu tố tác động từ bên trong và bên ngoài, từ đó, đưa ra các kịch bản có thể xảy đến với Chiến lược trong tương lai gần và cả những tác động của nó đến môi trường an ninh chung của khu vực ÁĐD-TBD. Việc vạch ra các kịch bản này sẽ góp phần đưa ra được những khuyến nghị xác đáng với Việt Nam, thực hiện mục tiêu đảm bảo an ninh và phát triển của đất nước trong bối cảnh tình hình khu vực ÁĐD-TBD nói riêng và thế giới nói chung vẫn đang biến động đầy phức tạp.

KẾT LUẬN

Với sự ra đời của Chiến lược ÁĐD-TBD, một khái niệm khu vực mới đã xuất hiện trong hoạch định chiến lược quân sự của Mỹ nhằm kiềm chế Trung Quốc. Việc đưa ra một khái niệm nối liền hai đại dương và khu vực năng động bậc nhất thế giới là một điều hợp lý, thể hiện tham vọng cũng như tư duy chiến lược bao quát của Mỹ. Đồng thời khẳng định vị thế của khu vực không chỉ đối với bản thân nước Mỹ mà còn với cả thế giới.

Việc hoạch định và triển khai Chiến lược thể hiện thái độ và quyết tâm nắm giữ vai trò chủ chốt của Mỹ ở khu vực ÁĐD-TBD. Chiến lược ÁĐD-TBD cũng cho thấy tầm quan trọng của quyền lực cứng của nước Mỹ. Việc sử dụng sức mạnh kinh tế và quân sự để thị uy và răn đe vẫn là nền tảng để Mỹ duy trì vị thế của mình.

Sự ra đời của Chiến lược cũng đã phơi bày rõ ràng cạnh tranh giữa các nước lớn, mà ở đây là giữa Mỹ và các nước đồng minh với Trung Quốc. Mỹ thi hành nhiều chính sách để kiềm chế Trung Quốc, đến khi Chiến lược ÁĐD-TBD ra đời, cuộc cạnh tranh ngầm giữa hai cường quốc này càng được bộc lộ rõ ràng hơn. Việc triển khai Chiến lược ÁĐD-TBD trên khía cạnh an ninh quân sự không chỉ tạo nên chuyển biến lớn trong quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc mà còn giữa các cường quốc đồng minh của Mỹ với Trung Quốc. Sự tương tác phức tạp giữa các cường quốc đã tác động sâu sắc đến an ninh và phát triển của ÁĐD-TBD. Tình hình khu vực ÁĐD-TBD cũng từ đó có nhiều thay đổi, dần hình thành nên một cấu trúc an ninh mới của khu vực.

Cuối cùng, Chiến lược ÁĐD-TBD có tác động lớn đến tình hình khu vực nói chung và Việt Nam nói riêng. Là một nước láng giềng có lịch sử phức tạp với Trung Quốc, Việt Nam đang đứng trước nhiều thách thức lẫn cơ hội mà Chiến lược ÁĐD-TBD đem lại. Vấn đề đặt ra cho Việt Nam là tìm kiếm những biện pháp hữu hiệu để hóa giải những tiêu cực và phát huy những tích cực mà Chiến lược cũng như môi trường mới mang lại.